TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG XƯƠNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/HS-ST

Ngày: 11/3/2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Lý

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Thuý

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Thanh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Hương - Thư ký, TANDH.Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 06/2024/TLST-HS ngày 18/01/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/HSST-QĐ ngày 28/02/2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, Sinh năm 1991

Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hoá: Lớp 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Văn Q, sinh năm 1964; Con bà: Phạm Thị S, sinh 1968; Vợ: Lê Thị T1, sinh năm 2004.Có 01 con sinh năm 2022; Tiền sự: Không.

Tiền án: Tại Bản án số 02/2020/HSST). Ngày 20/01/2020 của Toà án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá xử phạt Nguyễn Văn T 06 tháng tù về tội "Đánh bạc"; 12 tháng tù về tội "Tổ chức đánh bạc". Tổng hợp hình phạt chung của hai tội là 18 tháng tù (Ngày 07/10/2020 chấp hành xong hình phạt tù; ngày 21/5/2020 nộp án phí HSST (chưa được xóa án tích).

Tạm giữ từ ngày 04/11/2023 đến ngày 10/11/2023 được thay thế bằng Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên toà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Trịnh Thị T2, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN;

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền mua xe ôtô, thông qua mối quan hệ xã hội biết được Nguyễn Văn T cho vay tiền lấy lãi nên chị Trịnh Thị T2 liên hệ với T hỏi vay tiền, T đồng ý. Ngày 01/01/2022, T sử dụng tiền của cá nhân cho chị T2 vay số tiền 60.000.000đ. Hai bên thoả thuận vay trong vòng 10 ngày với lãi suất 3.000.000đ/10 ngày (tương ứng với mức lãi suất 5.000đ/triệu/ngày và bằng 182%/năm). Khi cho vay, Tình yêu cầu chị T2 viết giấy vay số tiền 60.000.000đ, không ghi lãi suất vay và đưa giấy cho T giữ; đồng thời T cắt trước tiền lãi 3.000.000đ/10 ngày rồi đưa cho chị T2 số tiền 57.000.000đồng.

Hết 10 ngày theo thỏa thuận ban đầu; do chị T2 không có khả năng trả nợ tiền gốc nên T thống nhất chị T2 sẽ tiếp tục trả lãi cho T (10 ngày trả tiền lãi một lần với số tiền 3.000.000đ cho đến khi trả hết số tiền nợ gốc). Từ ngày 11/01/2022 đến ngày 26/4/2023 (tổng 471 ngày), theo thỏa thuận chị T2 phải trả cho T tổng số tiền lãi là 141.300.000đ. Chị T2 đã sử dụng 04 tài khoản ngân hàng gồm: Tài khoản A số 519215007406 và tài khoản Ngân hàng M số 1681268888 đều mang tên Trịnh Thị T2; ngoài ra chị T2 còn nhờ chủ tài khoản Nguyễn Trọng T3 (ở xã Q, huyện Q, làm nghề dịch vụ chuyển tiền) sử dụng tài khoản ngân hàng V số 0781000486074 và chủ tài khoản Dương Đức T4 (chồng chị T2) sử dụng tài khoản ngân hàng M số 1281348888 chuyển khoản vào số tài khoản ngân hàng V1 số tài khoản 230555052 mang tên Nguyễn Văn T tổng 47 lần với tổng số tiền lãi là 138.000.000đ và còn nợ T số tiền lãi là 3.300.000đồng.

Đến ngày 27/4/2023, chị T2 xin giảm lãi suất từ 3.000.000đ/10 ngày xuống 2.500.000đ/10 ngày (tương ứng với mức lãi suất 4.167đ/triệu/ngày bằng 152%/ năm), T đồng ý. Từ ngày 27/4/2023 đến ngày 24/6/2023 (tổng 59 ngày), theo thỏa thuận chị T2 phải trả cho T tổng số tiền lãi là 14.750.000đ; tuy nhiên chị T2 mới chuyển vào số tài khoản 2305550524 của T được tổng 04 lần với số tiền lãi là 10.000.000đ, còn nợ 4.750.000đ tiền lãi.

Từ ngày 24/6/2023, do điều kiện khó khăn nên chị T2 xin không trả tiền lãi nữa mà chỉ trả dần tiền gốc. T đồng ý; tuy nhiên cho đến nay chị T2 vẫn chưa trả được số tiền nợ gốc 60.000.000đ cho T. Do bức xúc vì phải trả lãi cao, ngày

03/11/2023 chị T2 đã đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T tố cáo hành vi cho vay lãi nặng của Nguyễn Văn T. Đến 09 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn T đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T đầu thú, khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình; đồng thời giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 điện thoại di động Iphone 13 ProMax màu xanh dương đã qua sử dụng (T sử dụng chiếc điện thoại này để liên lạc với chị T2 trong quá trình thu tiền lãi, bên trong điện thoại có cài phần mềm ngân hàng V1 theo dõi việc trả tiền lãi của chị T2) và 93 tờ giấy A4 thể hiện nội dung sao kê tài khoản Ngân hàng V1 số 230555052 mang tên Nguyễn Văn T liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự giữa T và chị T2 để phục vụ công tác điều tra. Đối với 01 giấy vay tiền chị T2 viết và đưa cho T giữ; tuy nhiên T đã làm mất nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Như vậy, với số tiền gốc 60.000.000đ T cho chị T2 vay thời gian 540 ngày (từ ngày 01/01/2022 đến ngày 24/6/2023) với mức lãi suất từ 4.167đ – 5000đ/triệu/ngày (tương đương mức lãi suất từ 152% - 182%/năm, vượt quá từ 7,6 - 9,1 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự), T sẽ thu được số tiền lãi theo thỏa thuận là **159.050.000đ**. Thực tế T đã thu được của chị T2 tổng số tiền lãi là **151.000.000đ** (gồm 3.000.000đ tiền cắt lãi trước và 148.000.000đ tiền nhận chuyển khoản); số tiền lãi chị T2 còn nợ là 8.050.000đ. Đối với khoản vay trên, mức lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự là: **17.753.425đ**. Số tiền T đã và sẽ thu lời bất chính là **141.296.575đồng**.

Căn cứ khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao, xác định: Tổng số tiền thu lời bất chính mà Nguyễn Văn T phải chịu trách nhiệm hình sự là **141.296.575đồng**.

- Về các biện pháp tư pháp:

+ Đối với số tiền **17.753.425đ** là tiền lãi đã thu được tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự; tuy không bị tính xác định trách nhiệm hình sự nhưng là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần truy thu của Nguyễn Văn T số tiền trên để nộp ngân sách Nhà nước.

+ Đối với số tiền đã thu lãi của chị T2 vượt quá quy định của Bộ luật Dân sự là **133.246.575đ**. Quá trình điều tra xác định, chị T2 sử dụng tiền vay vào mục đích cá nhân hợp pháp. Đây là khoản tiền Nguyễn Văn T đã thu lời bất chính nên buộc T phải có nghĩa vụ trả lại số tiền trên cho chị T2.

+ Đối với số tiền nợ gốc **60.000.000đ** chị T2 chưa trả cho Nguyễn Văn T. Đây là số tiền của T dùng vào việc phạm tội nên cần truy thu của chị T2 để nộp ngân sách Nhà nước.

- Về xử lý vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động Iphone 13 ProMax màu xanh dương đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Văn T. Đây là công cụ phạm tội, cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện Q đã tiến hành thông báo bằng văn bản gửi đến Công an các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Q để phối hợp rà soát, xác minh thông tin khách vay tiền của Nguyễn Văn T. Tuy nhiên cho đến nay, ngoài cho chị T2 vay tiền với lãi suất cao như trên, Cơ quan điều tra chưa tiếp nhận thêm thông tin nào về khách vay tiền của Nguyễn Văn T.

Ngoài ra, quá trình làm việc với Cơ quan điều tra chị T2 khai báo: Do chị T2 đang còn nợ tiền lãi của T nên ngày 15/6/2023, T đi cùng 02 nam thanh niên (chị T2 không biết tên và địa chỉ) đến trường THCS xã Q nơi chị T2 làm việc để đòi tiền. Quá trình điều tra xác định: Khoảng 14 giờ ngày 15/6/2023, T điều khiển xe ô tô chở hai người bạn của T là anh Lê Hữu Đ (sinh năm 1996, ở thôn L, phường T, thị xã N) và anh Nguyễn Đức P (sinh năm 2002, ở thôn T, xã Q, huyện Q) đến chùa M1 (thuộc xã Q, huyện Q) để làm công đức. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày cả 3 ra về. Trên đường về, T nhớ chị T2 chưa trả số tiền lãi đang nợ nên T điều khiển xe ô tô rẽ vào cổng trường THCS xã Q để tìm chị T2. Đến nơi, T không nói cho Đ và P biết việc T đến trường để đòi nợ chị T2 mà một mình đi bộ vào trong trường, còn Đ và P vẫn ngồi trên xe ô tô. Khi vào trường, do không gặp được chị T2 nên T quay ra xe rồi chở Đ, P đi về. Việc T đến trường THCS xã Q để đòi tiền lãi của chị T2, bản thân P và Đ hoàn toàn không biết và không tham gia vào việc đi thu, đòi nợ tiền lãi của chị T2 hay được hưởng lợi gì từ việc T cho chị T2 vay tiền nên Đ và P không đồng phạm với T về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại Điều 201 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác của vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 07/CT-VKSQX ngày 17/01/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố Nguyễn Văn T về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 2 Điều 201 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo trong cáo trạng và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2, 3 Điều 201; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS.

Đề nghị xử phạt:

- Nguyễn Văn T từ 08 đến 10 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án trừ đi thời gian tạm giữ từ (04/11/2023 - 10/11/2023).

Hình phạt bổ sung: Đề nghị phạt bổ sung Nguyễn Văn T từ 35.000.000đ đến 40.000.000đồng.

**Biện pháp tư pháp*:

+ Đối với số tiền gốc 60.000.000đ Tình cho chị T2 vay, chị T2 chưa trả. Đây là vật chứng vụ án, bị cáo sử dụng cho chị T2 vay tiền cần truy thu của chị T2 số tiền trên để nộp ngân sách Nhà nước.

+ Đối với số tiền lãi hợp pháp là **17.753.425đ** T đã thu của chị T2 cần truy thu của Nguyễn Văn T số tiền trên để nộp ngân sách Nhà nước.

+ Đối với số tiền **133.246.575đ** T đã thu lãi vượt quá quy định của Bộ luật Dân sự. Đây là khoản tiền T thu lời bất chính nên buộc T phải có nghĩa vụ trả lại số tiền trên cho chị T2.

- Về xử lý vật chứng của vụ án: 01 điện thoại di động Iphone 13 Pro Max màu xanh dương đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Văn T. Đây là vật chứng vụ án bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội, cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

-*Về án phí*:Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Tại phiên toà, bị cáo nhận tội và không có ý kiến tranh luận gì, lời nói sau cùng bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đều thực hiện đúng thẩm quyền; Trình tự, thủ tục đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2]Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận: Trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2022 đến ngày 24/6/2023, trên địa bàn huyện Q, tỉnh Thanh Hóa, Nguyễn Văn T đã sử dụng số tiền **60.000.000đ** của cá nhân cho chị Trịnh Thị T2 vay, với mức lãi suất từ 4.167đ–5000đ/triệu/ngày (tương đương mức lãi suất từ 152% - 182%/năm) vượt quá từ 7,6 - 9,1 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, đã thu lời bất chính với tổng số tiền là **141.296.575đồng.**

[3]Lời khai của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Với các tài liệu và chứng cứ đã nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

[4]Hành vi Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Nguyễn Văn T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quy định của Nhà nước về quản lý các hoạt động tín dụng, xâm phạm lợi ích của công dân. Ngoài ra còn ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội trong khu vực. Bị cáo không chịu khó lao động, tu dưỡng rèn luyện bản thân, muốn hưởng thụ trên mồ hôi nước mắt của người khác. Bị cáo cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nhằm mục đích thu lời bất chính; Vì vậy cần thiết phải xử lý nghiêm để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự :

+*Tình tiết tăng nặng*: Bị cáo đã có tiền án chưa được xóa án tích lại phạm tội mới do cố ý nên áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự để tăng nặng trách nhiệm hình sự.

+*Tình tiết giảm nhẹ*: Bị cáo thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội đã đến Công an tỉnh T đầu thú nên áp dụng điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình.

Xét thấy, cần thiết bắt bị cáo phải cách ly ra khỏi đời sống một thời gian mới đủ để giáo dục bị cáo sớm trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

**Hình phạt bổ sung*: Phạt Nguyễn Văn T 35.000.000đồng

[6]*Biện pháp tư pháp:*

+ Đối với số tiền gốc **60.000.000đ** Tình cho chị T2 vay, chị T2 chưa trả, cần truy thu của chị T2 số tiền trên để nộp ngân sách Nhà nước.

+ Đối với số tiền lãi hợp pháp **17.753.425đ** T đã thu của chị T2, cần truy thu của Nguyễn Văn T số tiền trên để nộp ngân sách Nhà nước.

+ Đối với số tiền **133.246.575đ** T đã thu lãi vượt quá quy định của Bộ luật Dân sự. Đây là khoản tiền T thu lời bất chính nên buộc T phải có nghĩa vụ trả lại số tiền trên cho chị T2.

- Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động Iphone 13 ProMax màu xanh dương, số máy MNCY3VN/A, số Seri NW39PKSHGG.EMEJ 351786560451139, gắn thẻ sim điện thoại số 0988.878.867 đã qua sử dụng. Đây là công cụ phạm tội, cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước là phù hợp.

[7]*Án phí*: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Điều 6; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội khoá 14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2, 3 Điều 201; Điểm s Khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

- ***Xử phạt***: Nguyễn Văn T 08 (T5) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, trừ đi thời gian tạm giữ từ (04/11/2023 – 10/11/2023).

* *Hình phạt bổ sung*: Nguyễn Văn T 35.000.000đồng

**Biện pháp tư pháp*:

+ Truy thu của chị Trịnh Thị T2 số tiền 60.000.000đ nộp ngân sách Nhà nước.

+Truy thu của Nguyễn Văn T số tiền 17.753.425đ nộp ngân sách Nhà nước.

+ Buộc Nguyễn Văn T phải trả lại cho chị Trịnh Thị T2 số tiền là 133.246.575đồng.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS. Điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước khi án có hiệu lực pháp luật 01 điện thoại di động Iphone 13 ProMax màu xanh dương, số máy MNCY3VN/A, số Seri NW39PKJHGG, EMEI 351786560451139, gắn thẻ sim điện thoại số 0988.878.867 đã qua sử dụng. Theo biên bản giao nhận vật chứng tài sản ngày 02/02/2024 của Chi cục Thi hành án huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- *Án phí*: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14.

Buộc Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị T2 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSNDH.Quảng Xương;
- CAH.Quảng Xương;
- Chi cục THADS H.Quảng Xương;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Lý